

NHÌN LẠI CHÂN DUNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NHẬP CƯ TRONG KHU VỰC KINH TẾ PHI CHÍNH THỨC

Trường hợp người thu gom rác dân lập
tại Thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN VĂN BÌNH*
NGUYỄN THỊ NHUNG**

Tiếp cận nghiên cứu lịch đại, thông qua việc đối chiếu tâm thế lựa chọn và gắn bó với việc làm giữa các thế hệ khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy sự linh động của những nghề nghiệp phi chính thức. Điển hình, trong trường hợp nghề rác dân lập, người lao động vì những rào cản về học vấn, tuổi tác, trình độ tay nghề nên có thể đến với nghề trong một tâm thế bắt buộc. Tuy nhiên, trong quá trình gắn bó, người lao động đã chuyển dần từ tâm thế bắt buộc sang một lựa chọn đầy tính duy lý. Ngoài ra, nghề rác dân lập còn góp phần nhìn nhận lại quan điểm người nhập cư mang cái nghèo đến đô thị bằng xu hướng “đầu tư/tái đầu tư” việc làm của mình. Qua đó, bài viết phản ánh những đóng góp của nghề rác dân lập trong nền kinh tế tại đô thị.

Từ khóa: kinh tế phi chính thức, thu gom rác dân lập, người lao động nhập cư

Nhận bài ngày: 17/8/2020; *đưa vào biên tập:* 19/8/2020; *phản biện:* 3/9/2020; *duyet đăng:* 24/10/2020

1. DẪN NHẬP

Từ những thập niên 1970, kinh tế phi chính thức đã bắt đầu được quan tâm và thường được cho là một nền kinh tế dư thừa tại khu vực đô thị của các nước đang phát triển (dẫn theo Gunewardena, 2005). Sau thập niên 1980-1990 cho đến nay kinh tế phi chính thức được nghiên cứu nhiều hơn bởi những tác động của nó trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế, di dân nông thôn - đô thị ngày càng mạnh mẽ. Những nghiên cứu trong nhiều thập niên qua, không chỉ tạo nên cuộc

tranh luận trong phạm vi kinh tế học mà đã bắt đầu mở rộng sang nhân học và xã hội học. Nhìn chung, cuộc tranh luận sôi nổi chủ yếu xoay quanh những lý giải về sự tự nguyện hay bắt buộc trong hành vi lựa chọn việc làm nơi người lao động (Razafindrakoto, Roubaud, Wachsberger, 2013: 73).

Trước hết, nhiều nghiên cứu chia sẻ mang quan điểm tương đối tiêu cực thường đề cập đến sự bần cùng của những người lao động. Họ cho rằng người lao động buộc phải làm việc trong lĩnh vực phi chính thức, bởi sự hạn hẹp về cơ hội việc làm xuất phát từ những rào cản về học vấn và tuổi

*, ** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

tác... Vì thế, theo Harris và Todaro (1970) kinh tế phi chính thức được coi như là phân khúc thấp kém của một thị trường lao động hai phân khúc (chính thức và phi chính thức) (dẫn theo Gunewardena, 2005; Nguyễn Thị Nhung, 2005; Lê Thị Mỹ, 2005; Võ Thị Cúc, 2015). Ngoài ra, theo Maloney (2003), kinh tế phi chính thức được xem là một vùng đệm an toàn để tìm kiếm cơ hội và di động vào thị trường lao động chính thức (dẫn theo Gunewardena, 2005). Hay nhận định của Selby, Murphy và Lorenzen (1991); Maloney (2003), tuy có những nghiên cứu xem kinh tế phi chính thức như một chiến lược kinh tế mang tính chủ động, nhưng nó cũng chỉ đơn thuần là một công việc đáng mơ ước của những lao động trình độ học vấn, tay nghề thấp và lớn tuổi, khi họ không tìm được một công việc hứa hẹn nào nếu tham gia vào lĩnh vực kinh tế chính thức (dẫn theo Gunewardena, 2005). Trong một góc nhìn tích cực hơn từ những nhà nhân học, xã hội học, “coi kinh tế phi chính thức như một loại hình được định hình bởi các giá trị đạo đức truyền thống, giúp đỡ tương trợ nhau, hoặc như một vườn ươm các doanh nhân sáng tạo và tự hào về công việc độc lập của họ” (Razafindrakoto, Roubaud, Wachsberger, 2013: 73). Tuy nhiên, những nhà kinh tế học tiếp tục chỉ ra rằng, có hai phân khúc (phân khúc bình dân và phân khúc cao của những doanh nhân) trong khu vực kinh tế phi chính thức. Trong đó, sự chủ động chỉ dành cho những doanh nhân ở phân khúc cao

(Razafindrakoto, Roubaud, Wachsberger, 2013: 73).

Tiếp đến, Mitra và Arup (1992) cho rằng, khi nghiên cứu về di dân trong sự liên đới với kinh tế phi chính thức, người ta luôn nhìn thấy hiện diện của một dòng dịch chuyển nghèo đói từ nông thôn đến đô thị trong quá trình di cư tìm kiếm cơ hội cải thiện cuộc sống tại quê gốc của người lao động (dẫn theo Gunewardena, 2005; Đặng Nguyên Anh, 2005; Nguyễn Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Minh Châu, 2005; Trần Nguyệt Minh Thu, 2013). Vì vậy, di cư và việc làm phi chính thức như là một đặc trưng của những người nghèo hơn, ít đất hơn, ít mạng lưới xã hội hơn khi đến đô thị (Nguyễn Văn Bình, 2018).

Những dự án phát triển gần đây của tổ chức ENDA (2012); Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng - SDRC và tổ chức Oxfam (2017) là một động thái tích cực trong việc cải thiện chính sách dành cho người nhập cư lao động phi chính thức. Tuy nhiên, khi các dự án phát triển chủ yếu nhấn mạnh đến tính dễ tổn thương (tình trạng học vấn kém, không tay nghề, không hộ khẩu, thu nhập thấp, không phúc lợi xã hội...), vô hình trung đã ủng hộ những quan điểm có tính bi quan mà chúng tôi vừa đề cập.

Tại các nước đang phát triển, kinh tế phi chính thức phát triển rất mạnh mẽ, nhưng trải qua hơn nửa thế kỷ, dòng quan điểm tiêu cực vẫn không thay đổi mà tồn tại dai dẳng cho đến ngày

nay. Qua tổng quan, chúng tôi nhận thấy có ba luồng quan điểm chính đề cập đến lao động nhập cư làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: 1) Học vấn và tình trạng cư trú đã bắt buộc người lao động vẫn phải bám trụ với các hoạt động phi chính thức; 2) Các hoạt động sinh kế phi chính thức chỉ là một sự lựa chọn hạn hẹp, tạm bợ và là một vùng đệm trong quá trình chuyển đổi sang các hoạt động kinh tế chính thức; 3) Có mối liên kết chặt chẽ giữa kinh tế phi chính thức, nhập cư và nghèo đô thị. Ba dòng quan điểm này cũng chính là cơ sở để chúng tôi tiếp tục phân tích tâm thế của những người làm nghề rác dân lập⁽¹⁾ tại TPHCM. Thu gom rác dân lập được chúng tôi tiếp cận như một trường hợp của khu vực kinh tế phi chính thức, dựa trên những tiêu chí về việc làm và qui mô. Họ là những lao động làm thuê không có hợp đồng lao động, những lao động làm chủ⁽²⁾ ở quy mô cá thể/hộ gia đình và không được thụ hưởng các phúc lợi xã hội. Bài viết là một nghiên cứu trường hợp, chính vì vậy chúng tôi không có mục đích khẳng định cho toàn bộ các hoạt động khác trong lĩnh vực kinh tế phi chính thức. Ý kiến của chúng tôi mong muốn góp thêm một cách nhìn từ thực tế của một hoạt động sinh kế phi chính thức trong không gian đô thị.

2. NGUỒN DỮ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nguồn dữ liệu sử dụng trong bài viết này là từ cuộc khảo sát định lượng về *An sinh xã hội và an toàn vệ sinh lao*

động của người thu gom rác dân lập ở TPHCM do SDRC thực hiện và Oxfam tài trợ. Dữ liệu được thu thập vào tháng 9/2017 với 428 trường hợp, bao gồm người làm công và chủ các đường dây rác dân lập đang trực tiếp thu gom trên địa bàn TPHCM. Dữ liệu được chọn lọc phân tích chủ yếu là các thông tin nhân khẩu học, thu nhập, thời gian gắn bó với nghề thu gom rác và xu hướng sở hữu đường dây rác. Bên cạnh đó, do sự hạn chế của dữ liệu (từ khảo sát vào tháng 9/2017), cụ thể khảo sát đã không chia rõ chi tiết các khoản thu nhập phụ thêm của người lao động thu gom rác. Vì thế, chúng tôi đã kết hợp thêm dữ liệu về thu nhập của 63 trường hợp người thu gom rác dân lập trong đề tài nghiên cứu cấp cơ sở năm 2019 của Nguyễn Thị Minh Châu về *Tiền công của người lao động làm thuê phi chính thức tại TPHCM: So sánh với tiền lương tối thiểu vùng và lương đủ sống*. Ngoài ra, bài viết còn phỏng vấn (năm 2017 và năm 2020) những người lao động làm công và chủ đường dây rác ở quận Gò Vấp, quận 6, và quận 9, và những ghi chép từ điền dã⁽³⁾. Các cuộc phỏng vấn sâu trong bài viết này được chúng tôi phát triển từ mẫu nghiên cứu định lượng.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Học vấn và những thương thảo của người lao động nhập cư trong hành trình đến với nghề rác dân lập

Khảo sát của SDRC & Oxfam (2017) cho thấy một tỷ lệ người thu gom rác

nhập cư tại TP HCM có học vấn tiểu học và mù chữ chiếm gần 46%, trung học cơ sở chiếm 42,6, từ cấp 3 trở lên chiếm 10% (xem Bảng 1). Như vậy, phải chăng học vấn là rào cản trong lựa chọn nghề nghiệp của người thu gom rác dân lập.

Trong thời gian điền dã, chúng tôi được biết nghề thu gom rác dân lập đã từng nuôi sống nhiều người không thể tìm kiếm được việc làm khác. Trường hợp của anh H. (sinh năm 1966) quê ở Tây Ninh, khi trở về từ Campuchia trong điều kiện không đất đai, không được hỗ trợ về công ăn việc làm, anh đã đến với nghề rác như một sự tình cờ thông qua người em gái. Theo anh H. nghề rác dân lập không đòi hỏi bất cứ một yêu cầu nào về tuổi tác hay trình độ học vấn, nghề này chỉ dành cho những người không tìm được việc làm khác, và thường đến với nghề trong tâm thế bất buộc.

Anh Hư. (sinh năm 1966), vì không thể tiếp tục công việc tại lâm trường ở Tây Ninh do không có bằng cấp, nên cả gia đình di cư đến TP HCM và công việc đầu tiên là làm thuê cho các ông chủ thu gom rác. Mặc dù, anh Hư., anh H. chọn nghề rác như một giải pháp cuối cùng sau những biến cố có liên quan đến học vấn, tuổi tác, nhưng giờ đây nghề rác là công việc mà các anh không thể từ bỏ. Hiện nay anh Hư. đã “làm chủ” một “đường dây”⁽⁴⁾ rác tại Gò Vấp.

Nói như thế không có nghĩa tất cả người thu gom rác thể hệ trước đều hạn chế về học vấn. Đó là trường hợp

của anh Đ. (sinh năm 1951), mặc dù đã đậu tú tài I nhưng anh vẫn theo người thân làm nghề rác. Thu nhập của anh vừa trang trải cuộc sống gia đình vừa nuôi 3 người con ăn học. Anh đã mượn thêm vốn mua một đường rác nhỏ khoảng 200 hộ gia đình. Tuy vậy, anh vẫn mặc cảm với nghề rác và không muốn trong dòng họ, hàng xóm biết về công việc anh đang làm tại TP HCM. Vì với anh nghề rác trước đây vẫn là một nghề bần cùng dù là làm thuê hay làm chủ, rác chỉ dành cho những người nghèo, người không có công việc làm khác hay người không có trình độ. Như vậy học vấn hay các rào cản khác không còn được nhắc đến như một yếu tố quan trọng trong quyết định đến với nghề rác.

“Ngày xưa thì tại không có tiền, nghề nào khá thì làm, anh không có nghĩ tới rác thế này thế kia. Nhưng sau này anh cũng mặc cảm lắm chứ, đứng trên bờ rác kêu lại chụp hình thì anh cũng đâu có chịu, anh cũng mặc cảm nói thôi đừng chụp hình tôi kể xe rác, tội nghiệp con tôi nó đi học, đưa cái hình tôi lên trên truyền hình thì tội nghiệp nó. Còn bây giờ ai chụp thì chụp, đưa thì đưa, chứ ngày xưa là anh mặc cảm lắm” (PVS. anh Đ., sinh năm 1951).

Từ sau năm 2000, khi rác dân lập “ăn nên làm ra”, trở nên “sốt”, người dân ở Tây Ninh, Long An và các tỉnh thành khác bắt đầu đến TP HCM tham gia ngày càng nhiều hơn. Như anh Đ. từ năm 2000 đến năm 2003 đã giúp 4

người cháu từ Long An đến quận 6 để làm rác, và nhiều người thân khác (bên vợ) cũng đang tìm đến với nghề rác, nhiều người ở Tây Ninh (mà gia đình anh biết) đã bán đất đai để đầu tư vào rác dân lập. Có lần anh L. (sinh năm 1980)⁽⁵⁾ biết chúng tôi đang đi học và muốn tìm hiểu về nghề rác, thì anh có hỏi chúng tôi: “Nhà có đất không, kêu cha mẹ “cầm” đi lên đây mua đường dây rác đi làm, nghỉ học đi, học làm gì, làm rác không sướng sao? Lên đây tao đưa cho, khỏi qua trung gian, có chừng một tỷ không? đi làm chừng hai năm là lấy lại vốn rồi”.

Tất cả những dấu hiệu thay đổi ấy đòi hỏi phải nhìn lại những ‘cơ duyên’ đến với nghề rác dân lập. Một nghề nghiệp tưởng chừng là giải pháp cuối cùng

của nhiều người khi đến TPHCM, nhưng đã trở thành một chiến lược mà đầu tư học vấn và gia nhập thị trường kinh tế chính thức chưa hẳn là một giải pháp tốt trong phép so sánh về hiệu quả kinh tế.

Bên cạnh đó, chân dung của người thu gom rác dân lập hiện nay càng đa dạng hơn khi có thể nhìn thấy được sự tham gia của một lực lượng lao động trẻ từ 15-29 tuổi có trình độ từ trung học phổ thông trở lên. Cụ thể, tỷ lệ lao động trong độ tuổi 15-29 có trình độ trung học phổ thông chiếm 12% và có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học chiếm 4,8% (xem Bảng 1). Đây là một sự chuyển biến mà trước đây chưa từng được đề cập.

Bảng 1. Trình độ học vấn của người thu gom rác dân lập nhập cư phân theo nhóm tuổi

Trình độ học vấn		Tuổi người trả lời				Tổng
		15-29 tuổi	30-44 tuổi	45-59 tuổi	Trên 60 tuổi	
Mù chữ/biết đọc biết viết	Số người	10	20	7	0	37
	% theo nhóm tuổi	12,0	13,6	11,5	0,0	12,5
	% theo tổng số	3,4	6,8	2,4	0,0	12,5
Tiểu học	Số người	21	55	21	2	99
	% theo nhóm tuổi	25,3	37,4	34,4	40,0	33,4
	% theo tổng số	7,1	18,6	7,1	0,7	33,4
Trung học cơ sở	Số người	38	59	26	3	126
	% theo nhóm tuổi	45,8	40,1	42,6	60,0	42,6
	% theo tổng số	12,8	19,9	8,8	1,0	42,6
Trung học phổ thông	Số người	10	12	7	0	29
	% theo nhóm tuổi	12,0	8,2	11,5	0,0	9,8
	% theo tổng số	3,4	4,1	2,4	0,0	9,8
Trung cấp/cao đẳng/đại học	Số người	4	1	0	0	5
	% theo nhóm tuổi	4,8	0,7	0,0	0,0	1,7
	% theo tổng số	1,4	0,3	0,0	0,0	1,7
Tổng	Số người	83	147	61	5	296
	% theo nhóm tuổi	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
	% theo tổng số	28,0	49,7	20,6	1,7	100,0

Nguồn: SDRC, 2017.

Một thế hệ mới tham gia vào thu gom rác dân lập đã không còn bị giới hạn chỉ bởi học vấn kém hay bất cứ đặc trưng nào, mà hơn hết đó là một sự lựa chọn duy lý. Sự duy lý không chỉ ở góc độ kinh tế, nó còn được mở rộng ở cả trong sinh hoạt của gia đình mà chúng tôi sẽ phân tích trong phần tiếp theo của bài viết.

“Bây giờ người trẻ tham gia rác dân lập là gần như 1/3 rồi, nhiều hơn là 1/2 nữa à, người trẻ bây giờ ngày càng nhiều nên trình độ cũng cao hơn. Nhiều hơn ngày xưa cũng khoảng 1/3 chứ hồi xưa là không có, ngày xưa lớp 10 là khó rồi. Bây giờ đến với nghề rác là kinh doanh, sử dụng rác này để mà kiếm sống cao hơn làm mấy chuyện khác. Cháu thấy mấy người trẻ bây giờ một đường rác có thể kiếm một, hai chục triệu là chuyện bình thường cho nên đâu có nghề nào bằng nghề này, rồi ve chai nữa. Mấy đứa trẻ thì như vậy chứ mấy ông già đâu có làm nổi, nhưng mà tiền nào thì của nấy, mình 10 triệu thì mình làm 2 xe, mấy người trẻ 20 triệu thì làm 4 xe, có khi 8 xe thì 30-40 triệu. Trẻ còn sức, có tiền, có trình độ nhưng không thèm đi làm công nhân, công nhân đâu có như vậy, nên thành thử làm vì kinh tế nhiều hơn” (PVS. anh Đ., sinh năm 1951).

Mặt khác, dù trên thực tế chân dung người thu gom rác dân lập đã có nhiều sự dịch chuyển, nhưng hiện nay người thu gom rác dân lập tại TPHCM vẫn thường được nhắc đến với nhiều vấn đề bất cập. Họ thường trở thành tâm điểm khởi nguồn của vấn đề thu

gom rác thải tại đô thị và phân loại rác tại nguồn... Đặc biệt, học vấn, tình trạng cư trú ở người thu gom rác một lần nữa được xem như là những lý do biện dẫn cho sự bất cập của những vấn đề trên. Nhiều quận/huyện tại TPHCM nhận diện: “Phương tiện thô sơ, thu gom không đúng thời gian, thu phí cao hơn quy định. Đã thế, lao động phần lớn là người có trình độ thấp, lại chủ yếu là dân nhập cư...” (Nhã Vy, 2017). “Chủ các đường dây rác không phải là người [tại chỗ] mà từ nơi khác đến, nhiều người còn không biết chữ và làm theo kiểu ‘cha truyền con nối’” (Sỹ Đông, 2018). Liệu có phải học vấn và tình trạng cư trú là yếu tố gây ra những bất cập trong tình hình thu gom rác ở TPHCM hiện nay? Có lẽ, chúng ta cần phải xem xét thêm trong sự kết nối với hệ thống xử lý rác thải, chính sách và điều kiện làm việc của người lao động. Đặc biệt, nghề thu gom rác dân lập không phải là một ngành nghề mới nổi của những người dân nhập cư. Vì vậy, việc cho rằng có sự bất cập trong tình hình thu gom rác thải ở TPHCM, xuất phát từ ý thức của những người nhập cư không có trình độ học vấn có thể chưa thật sự thuyết phục.

3.2. Thu gom rác dân lập: phương thức sinh kế linh động của nhóm yếu thế

Thu gom rác dân lập từ một nghề tự phát của một số hộ gia đình trên địa bàn TPHCM nay đã trở thành một hoạt động có tổ chức và là một nghề tạo được thu nhập ổn định, thường

xuân cho nhiều gia đình (ENDA, 2012: 8). Số lượng người tham gia vào lĩnh vực thu gom rác dân lập đã chiếm hơn 60% lực lượng thu gom rác của toàn thành phố, với hơn 4.000 nhân công, chủ yếu là người nhập cư (Ngọc Hiền, 2017). Ngoài ra, báo cáo kết quả của SDRC (2017: 14-16) cho thấy, hiện nay trên toàn TPHCM có 922 tổ lấy rác dân lập, chưa kể những trường hợp người thu gom rác dân lập hoạt động tự do.

Dù rằng với nghề thu gom rác dân lập người lao động phải tiếp xúc với môi trường đầy rủi ro nhưng họ vẫn gắn bó lâu dài và cứ thế rác dân lập lại tiếp tục thu hút thêm những lực lượng đầu tư khác. Nhìn về mặt thu nhập, một lao động làm công thu nhập trung bình vào khoảng 3.793.911 đồng/người/tháng. Trong khi thu nhập của nhóm lao động làm chủ cao gấp gần 2 lần so với nhóm làm công, 5.676.305 đồng/người/tháng⁽⁶⁾ (SDRC, 2017). Dù không có được những lợi thế kinh tế như những cá nhân tự làm chủ đường dây rác nhưng sự linh động trong thu nhập là một trong những yếu tố quan trọng để giữ chân lao động làm thuê. Thu nhập từ thu gom ve chai, chõ xà bần... được sử dụng trong khoảng thời gian chờ lương chính thức. Đây là lợi thế mà không phải bất cứ một công việc chính thức, “ổn định” nào có thể đem lại được. Khảo sát của Nguyễn Thị Minh Châu (2019) từ 63 trường hợp thu gom rác dân lập tại TPHCM cho thấy, trung bình một lao động có thể kiếm thêm thu nhập từ ve chai,

phế liệu, chuyên chở xà bần khoảng 2.364.539 đồng/người/tháng. Trong đó, nhiều nhất có thể lên đến 6.000.000 đồng/người/tháng. Ngoài thu nhập chính, thu nhập phụ (ve chai, xà bần) có thể được xem như là một khoản bù đắp cho các phúc lợi xã hội mà người thu gom rác dân lập không nhận được.

Chị B. (sinh năm 1986) tốt nghiệp lớp 12 và từng là công nhân may, vì sở thích được học và lái xe của người chồng, gia đình chị đã ‘bén duyên’ với nghề rác qua sự giới thiệu của người thân. Dần dần gia đình chị gắn bó với nghề rác hiện nay người con nhỏ của chị cũng theo xe phụ giúp trong những lúc không đi học, và nghề rác dân lập được xem là một lựa chọn tốt của gia đình. Mặc dù gia đình chị nhận thức được tất cả những mối nguy và những thiệt thòi của loại nghề nghiệp này, họ vẫn quyết định sẽ không bỏ nghề. Ngoài khoản thu nhập chính là 10 triệu đồng/tháng cho cả gia đình, chị còn có thêm thu nhập từ ve chai để chi tiêu trong tuần vào những lúc chưa nhận lương từ chủ. Không chỉ là sự chủ động trong nguồn thu nhập, nghề rác còn đem lại cho gia đình chị một sự chủ động phân công công việc trong gia đình. Chị và chồng có thể chia sẻ công việc cho nhau, nhờ vào sự linh động của nghề rác.

Một trường hợp tương tự, vì không biết chữ để xin vào làm trong các công ty nên gia đình chị V. (sinh năm 1983) quyết định làm công cho người bác ruột đang sở hữu đường rác tại

quận 6, được 15 năm. Chị V. dường như không còn để ý đến lý do bị quan mà trước đó chị đã chọn làm rác. Hai vợ chồng chị được trả lương 4,5 triệu đồng/ tháng nhưng chị vẫn thấy thoải mái và không muốn chuyển đổi sang bất cứ công việc nào khác. Theo chị V.: Nếu đi làm công việc khác, thì thời gian làm việc luôn phải cố định từ sáng cho đến chiều tối, trong khi gia đình chị còn phải đưa rước hai đứa con đi học tiểu học, bắt buộc phải có một người ở nhà chăm sóc. Nhưng khi làm rác, hai vợ chồng bắt đầu từ 12h đêm đến sáng sớm là đã kết thúc, thời gian ban ngày dành chăm sóc gia đình, đưa rước con đi học. Ngoài ra, còn thu nhập từ ve chai (3 triệu đồng mỗi tháng) và từ (người chồng giao nước thuê lương 3,5 triệu đồng/tháng). Riêng chị V. cũng có thêm thời gian nhận gia công cắt chỉ quần áo, xếp giấy tiền vàng mã hoặc bán thêm đồ ăn vặt buổi chiều, mỗi tháng cũng kiếm thêm được từ 2-3 triệu đồng. Tổng thu nhập của gia đình chị V. trung bình có thể lên đến 13-14 triệu đồng/tháng, trong đó hơn 60% là từ nguồn thu ngoài lương cơ bản.

Còn rất nhiều trường hợp khác như gia đình anh Q., (sinh năm 1984), anh L. (sinh năm 1984) trước đây từng đã là công nhân tại các xí nghiệp ở TPHCM, nhưng từ khi quyết định sinh con cả gia đình hai anh đều bắt đầu tham gia vào rác dân lập. Vì bên cạnh sự ổn định về nguồn thu nhập, rác dân lập còn đem lại cho các anh được sự linh động về thời gian làm việc để

chăm sóc gia đình, chuẩn bị cho con đi học... Riêng anh L. còn có thêm thời gian để trồng thêm hoa màu ở quê (Long An).

Như vậy, những người làm rác dân lập tuy phải đối diện với môi trường hôi thối, nặng nhọc nhưng đổi lại người lao động lại có được sự tự do, họ không có cảm giác bị áp lực kiểm soát chặt chẽ như làm thuê ở các lĩnh vực khác. Họ có thể làm việc một cách thoải mái từ lúc bắt đầu cho đến khi hết việc. Quan trọng nhất đối với những trường hợp đã có gia đình là họ có thời gian hơn cho việc chăm sóc và quan tâm con cái.

Nếu như cho rằng, nghề rác cũng giống như các nghề nghiệp phi chính thức khác, đều là những nghề nghiệp của sự bần cùng trong lựa chọn mà người lao động đang tìm cách di chuyển ra khỏi, thì đó là một nhận định chưa chính xác. Dữ liệu nghiên cứu của SDRC (2017) cho thấy, tính cả những lao động mới vào nghề, trung bình một lao động cũng đã gắn bó với nghề rác dân lập 11,7 năm. Trong khoảng thời gian này, người lao động không phải bị kẹt trong thu gom rác một cách thụ động mà bởi vì, thu gom rác dân lập đã trở thành một chiến lược kinh tế, một chiến lược trong đời sống gia đình. Trường hợp chị B., cuối năm 2017, chủ đường rác không thuê gia đình chị nữa, chị tìm người chủ mới chứ không nghĩ đến việc rời bỏ nghề rác.

Như vậy, học vấn hay trình độ tay nghề không hẳn là những rào cản

quan trọng trong quá trình đến với nghề rác. Bằng chứng là hoạt động của họ luôn được thiết lập bởi những mạng lưới địa phương rất chặt chẽ. Nhắc đến rác dân lập ở quận 6 người ta sẽ biết ngay đó là nơi hoạt động của những lao động từ Long An. Tương tự, quận Gò Vấp được coi như là một địa bàn đặc trưng của người di cư từ Tây Ninh. Ngoài mạng lưới đồng hương, họ hàng... thì mạng lưới lớn của cả cộng đồng rác dân lập là một vấn đề thách thức cho bất kỳ một cá nhân bên ngoài nào muốn trở thành một thành viên.

Thực tế, bên cạnh những tiềm năng kinh tế từ thu gom rác dân lập, người lao động đã tự kiến tạo nên cho mình nhiều ý nghĩa khác ở nghề rác trong đời sống. Nếu không được bao phủ bởi các phúc lợi xã hội hay lương cố định như các công việc chính thức, thì người thu gom rác dân lập lại được linh động trong các nguồn thu nhập khác từ ve chai, xà bần... Họ được tự do về thời gian, tự do trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Đó cũng là những nguyên do mà nhiều cộng đồng làm rác đa phần xuất phát từ những nông dân sẵn sàng đổi lấy một đường dây rác thay vì canh tác nông nghiệp, như nhiều trường hợp ở quận 6 và Gò Vấp. Như vậy, nghề rác có thể xem là một hoạt động mang tính linh động không hoàn toàn bị giới hạn bởi những rào cản về học vấn, tình trạng cư trú hay tuổi tác...

3.3. Thu gom rác dân lập: khép lại quan điểm người nhập cư đem cái nghèo đến đô thị

Không riêng lao động phi chính thức, hầu hết những người lao động di cư thường chia sẻ về dự định trở về quê gốc, nên chiến lược di cư thường được xem là chiến lược sinh kế một chiều, mang tính tách biệt nông thôn - đô thị. Cụ thể là, dòng tiền trong chiến lược di cư được xác định có xu hướng chảy từ đô thị về nông thôn để củng cố đời sống tại quê gốc (Đặng Nguyên Anh, 2005; Nguyễn Ngọc Diễm, Nguyễn Thị Minh Châu, 2005; Trần Nguyệt Minh Thu, 2013). Tuy nhiên, những trường hợp thu gom rác điển hình tại quận 6, quận Gò Vấp... chuyển dịch từ nông nghiệp sang thu gom rác dân lập, một lần nữa góp phần làm cho nghề rác càng đặc biệt hơn. Người thu gom rác dân lập từ nông thôn đến thành phố như một quy luật chung họ vẫn phải củng cố đời sống tại quê gốc, nhưng điều đó không đồng nghĩa họ sẽ không tập trung đầu tư vào hoạt động kinh tế tại đô thị. Cùng lúc người lao động thu gom rác vẫn duy trì đời sống xã hội tại quê gốc, thì họ vẫn sử dụng nguồn vốn của mình để tái đầu tư cho hoạt động sinh kế tại đô thị. Như vậy, dòng tiền từ đô thị vẫn được luân chuyển trở lại trong hoạt động đầu tư của người lao động thu gom rác.

Chị P. (sinh năm 1967, quê gốc ở Cần Giuộc) cho biết gia đình chị và nhiều gia đình khác đã bán đất ruộng ở quê, huy động vốn từ chơi hụi, mượn thêm từ người thân để mua một đường dây rác tại quận 6, cho đến nay, nghề rác là sinh kế chính của hai thế hệ gia

đình chi và nhiều gia đình khác. Điều đó cho thấy người lao động đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn tại quê gốc để tạo lập một đời sống kinh tế ổn định tại TP HCM. Thêm nữa, hầu hết những chủ đường dây rác đều sử dụng nguồn lao động từ quê gốc của mình. Tất cả những dấu hiệu đó cho thấy sự kết nối, tương tác rất chặt chẽ giữa nông thôn và đô thị trong hoạt động thu gom rác dân lập, không thể tách biệt hoạt động sinh kế tại đô thị của người thu gom rác khỏi môi trường nông thôn. Tất cả những chiến lược trên, rác dân lập dường như chưa hẳn hoàn toàn với hình ảnh mang cái nghèo đến đô thị của những người lao động nhập cư làm việc phi chính thức.

4. KẾT LUẬN

Thu gom rác dân lập trong bài viết này, được xem như một trường hợp để nhìn lại những quan điểm chung trước đó dành cho những người lao động phi chính thức và cụ thể là những người nhập cư. Mặc dù, thu gom rác dân lập được nhận diện là một lĩnh vực kinh tế phi chính thức với tính chất bấp bênh, nhiều rủi ro về sức khỏe, một khu vực tập trung người nhập cư, những người yếu thế về mặt học vấn, tay nghề, tuổi tác... nhưng không vì thế mà người lao động lại làm nghề một cách thụ động. Chân dung người lao động trong lĩnh vực

thu gom rác dân lập ngày nay đã có nhiều sự dịch chuyển, vì vậy, cần phải được nhìn nhận một cách khách quan hơn, góp phần cải thiện vai trò và vị thế của người lao động nhập cư, phi chính thức tại đô thị.

Sự gắn bó với nghề lâu dài như nghề rác dân lập, không chỉ chứng minh cho sự yếu thế về những nguồn lực kinh tế, văn hóa, xã hội... của người lao động, mà hiện nay nó còn cho thấy tiềm năng của một hoạt động sinh kế từng được cho là kém thu hút. Sự linh động, đa dạng từ các nguồn thu nhập trong hoạt động thu gom rác dân lập, sự thoải mái về thời gian trong quá trình làm việc... đã làm cho nghề thu gom rác có sức hút nhất định có thể trở thành một lựa chọn cho các lao động trẻ và các đối tượng lao động khác bằng chứng là sự tham gia của các thế hệ tiếp theo trong các gia đình theo nghề thu gom rác.

Cuối cùng, dòng tiền được tái đầu tư hay dòng tiền chảy ngược từ nông thôn đến đô thị, đã cho thấy vai trò và vị thế của những người nhập cư, đang làm việc trong lĩnh vực phi chính thức như thu gom rác dân lập đối với kinh tế của TP HCM. Sự luân chuyển dòng tiền và lao động trong nghề thu gom rác đã khẳng định được đây là một hoạt động sinh kế rất linh động, không phải là một hoạt động sinh kế phụ thuộc trong không gian đô thị. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Chúng tôi gọi hoạt động thu gom rác dân lập bằng một cụm từ ngắn gọn là “nghề rác”, như cách mà những người đang làm việc trong lĩnh vực này thường gọi.

- (2) Có những người chủ không đi làm rác mà họ thuê người làm. Trường hợp này họ không thấy sự cực nhọc của nghề rác.
- (3) Dữ liệu sử dụng trong bài viết (SDRC, Nguyễn Thị Minh Châu) đều đã được đồng ý.
- (4) Một tuyến đường được đấu thầu để trực tiếp thu phí, hay được gọi là tự làm chủ.
- (5) Anh Lê - lao động thu gom rác mà chúng tôi đã tiếp xúc từ năm 2017. Lần gặp đầu các anh nghi ngờ chúng tôi là phóng viên, điều tra về “các tệ nạn xã hội” ở khu vực này. Sau đó, mỗi khi có dịp đến khu nhà trọ chúng tôi thường trò chuyện với những người thu gom rác.
- (6) Số liệu này chỉ được tính từ thu nhập trung bình mà người thu gom rác dân lập nhận được, trên thực tế thu nhập từ nghề rác còn phụ thuộc rất nhiều vào quy mô của một đường dây rác được giao khoán.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đặng Nguyên Anh. 2005. “Chiều cạnh giới của di dân lao động thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(90).
2. ENDA. 2012. *Báo cáo khảo sát người thu gom rác dân lập và người tái chế phế liệu ở TPHCM: thực trạng kinh tế - xã hội và việc tiếp cận bảo trợ xã hội (nghiên cứu ở quận: 4, 5, 6, 10, 11, Bình Thạnh, Gò Vấp)*.
3. Gunewardena, Dileni. 2005. “Nghèo đô thị và nền kinh tế phi chính thức ở đô thị”. In trong Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường, Nguyễn Quang Vinh (chủ biên). *Đô thị hóa và vấn đề giảm nghèo ở TPHCM, lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 713-764.
4. Lê Thị Mỹ. 2005. “Việc làm của thanh niên đô thị và các yếu tố tác động đến thu nhập”. Trong Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường, Nguyễn Quang Vinh (chủ biên). *Đô thị hóa và vấn đề giảm nghèo ở TPHCM, lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 713-764.
5. Ngọc Hiền. 2017. “Đời ... rác - Kỳ 1: PV Tuổi Trẻ đi học nghề lượm rác”. <https://tuoitre.vn/doi-rac-ky-1-pv-tuoi-tre-di-hoc-nghe-luom-rac20171104124616888.htm>, truy cập ngày 5/10/2018.
6. Nguyễn Ngọc Diễm, Nguyễn Ngọc Minh Châu. 2005. “Đi làm ăn xa - phương thức tăng thu nhập gia đình”. *Tạp chí Xã hội học*, số 2(90).
7. Nguyễn Thị Minh Châu. 2019. *Tiền công của người lao động làm thuê phi chính thức tại TPHCM: So sánh với tiền lương tối thiểu vùng và lương đủ sống*. Đề tài cấp cơ sở, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ (chủ trì).
8. Nguyễn Thị Minh Châu, Nguyễn Đặng Minh Thảo. 2015. “Người thu gom rác dân lập ở TPHCM: nguy cơ rủi ro sức khỏe và bảo đảm an sinh xã hội”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 7 (203), tr. 19-27.
9. Nguyễn Thị Nhung. 2005. “Hội nhập đô thị và khía cạnh giới của những người nhập cư vào TPHCM”. Trong Nguyễn Thế Nghĩa, Mạc Đường, Nguyễn Quang Vinh (chủ biên). *Đô thị hóa và vấn đề giảm nghèo ở TPHCM, lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, tr. 513-566.
10. Nguyễn Văn Bình. 2018. “Di cư do biến đổi khí hậu, áp lực môi trường vùng thượng nguồn xã Vĩnh Lộc, huyện An Phú, tỉnh An Giang”. Trong đề tài cấp Nhà nước: *Vấn đề*

dân số và di dân trong phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, do Lê Thanh Sang là chủ nhiệm.

11. Nhã Vy. 2017. “Thực trạng thu gom rác dân lập đang cần lời giải”. <https://www.nguoi-tieudung.com.vn/thuc-trang-thu-gom-rac-dan-lap-dang-can-loi-giai-d57213.html>, truy cập ngày 5/10/2018.

12. Razafindrakoto, Mireille; Fracçnois Roubaud; Wachsberger Jean-Michel. 2013. “Làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: tự nguyện hay bắt buộc?: Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam. In trong Cling, Pierre Jean; Đỗ Hoài Nam; Lagrée, Stéphane; Razafindrakoto, Mireille; Roubaud, François (biên soạn). *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Hà Nội: Nxb: Tri thức, tr. 73-104.

13. Sỹ Đông. 2018. “Chuyện bi hài của các đường dây rác dân lập ở TPHCM”. <https://nld.com.vn/thoi-su/chuyen-bi-hai-cua-cac-duong-day-rac-dan-lap-o-tp-hcm-20180518100827347.htm>, truy cập ngày 18/6/2020.

14. Trần Nguyệt Minh Thu. 2013. “Vài nét về nhóm lao động di cư tự do nông thôn - đô thị trong vai trò hỗ trợ kinh tế gia đình”, *Tạp chí Xã hội học*, số 2(122).

15. Trung tâm Nghiên cứu - Tư vấn Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng (SDRC). 2017. *Báo cáo: An sinh xã hội và an toàn vệ sinh lao động của người thu gom rác dân lập tại TPHCM*. TPHCM.